

Số: 03/2026/QĐST-VHNGĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 481/2025/TLST-VHNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2025 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà Trần Thiên A, sinh ngày 18/4/2002; Số CCCD: 096302006845 cấp ngày 22/11/2022.

HKTT: Số A L, Khóm C, phường T, Thành phố C. Nơi ở hiện nay: Tổ H, khu phố P, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Phạm Tuấn H, sinh ngày 11/01/2001; Số CCCD: 077201008923 cấp ngày 10/5/2021.

Cư trú tại: Khu phố P, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trần Thiên A và ông Phạm Tuấn H tự nguyện tìm hiểu, tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 69 ngày 09/8/2023, nên xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 26 tháng 12 năm 2025, bà A và ông H2 nhận: Mâu thuẫn vợ chồng đến nay đã trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân gia đình thì việc bà A và ông H3 tình ly hôn là hoàn toàn có căn cứ.

[2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Thiên A và ông Phạm Tuấn H có 01 con chung tên Phạm Trần Duy H1, sinh ngày 29/8/2023. Sau ly hôn, ông bà thỏa thuận giao con chung cho bà Trần Thiên A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Phạm Tuấn H không cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy thỏa thuận trên của đương sự là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thiên A và ông Phạm Tuấn H2 định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí việc hôn nhân: Trần Thiên A và ông H7 người phải chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thiên A và ông Phạm Tuấn H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Bà Trần Thiên A và ông Phạm Tuấn H3 tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Bà Trần Thiên A và ông Phạm Tuấn H có một con chung tên Phạm Trần Duy H1, sinh ngày 29/8/2023.

Sau ly hôn, buộc ông Phạm Tuấn H4 cháu Phạm Trần Duy H5 bà Trần Thiên A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Phạm Tuấn H6 phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì lợi ích mọi mặt của con chung, mức cấp dưỡng nuôi con, người trực tiếp nuôi con được thực hiện theo quy định của pháp luật.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thiên A và ông Phạm Tuấn H2 định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thiên A và ông Phạm Tuấn H7 người phải nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng); được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0048010 ngày 10/12/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà A và ông H8 nộp xong.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người

có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- THADS TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 12 - TP. Hồ Chí Minh;
- UBND phường Tân Hải, TP. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Hoàng Bảo Ngọc